

Số: 2067/BC-HĐNVQS

Gia Lai, ngày 06 tháng 5 năm 2019

SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
TỈNH GIA LAI

Số: 2637
Ngày: 29/5/2019
Chuyến:

BÁO CÁO

Tổng kết công tác tuyển quân năm 2019,
phương hướng thực hiện công tác tuyển quân năm 2020

Phần I

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC TUYỂN QUÂN NĂM 2019

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Gia Lai là tỉnh miền núi, có diện tích tự nhiên là 15.536,9 km², dân số trên 1,4 triệu người, gồm 34 dân tộc sinh sống, trong đó các dân tộc thiểu số chiếm 44,3% (chủ yếu là dân tộc Jarai và Banah). Tình hình Kinh tế - Xã hội của tỉnh cơ bản ổn định, Quốc phòng - An ninh được giữ vững, đời sống của nhân dân từng bước được cải thiện, chính sách hậu phương quân đội đối với các đối tượng chính sách và người dân tộc thiểu số đã được Đảng, Nhà nước quan tâm; cấp ủy, chính quyền luôn chú trọng đến nhiệm vụ tuyển quân. Đời sống một số bộ phận nhân dân còn gặp nhiều khó khăn, trình độ dân trí còn thấp, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; nhận thức của thanh niên về Luật Nghĩa vụ quân sự, trách nhiệm đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc còn hạn chế, một số thanh niên trong độ tuổi thực hiện Nghĩa vụ quân sự (NVQS) thường xuyên vắng mặt ở địa phương đi làm xa dài ngày, bên cạnh đó yêu cầu chất lượng giao quân ngày càng cao tác động khó khăn đến công tác tuyển quân năm 2019

II. KẾT QUẢ

Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Tư lệnh Quân khu 5, lãnh đạo của Tỉnh ủy, sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh; Hội đồng nghĩa vụ quân sự tỉnh đã tham mưu, chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác tuyển quân năm 2019 đạt được những kết quả sau:

1. Kết quả lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện

- Hội đồng NVQS tỉnh đã kịp thời làm tham mưu cho Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh tập trung lãnh đạo, chỉ đạo kiện toàn Hội đồng NVQS các cấp, quán triệt các văn bản của Chính phủ, Bộ và Quân khu về công tác tuyển quân, chỉ đạo các cấp các ngành tổ chức rút kinh nghiệm công tác tuyển quân năm 2018; giao chỉ tiêu tuyển quân, ban hành các văn bản, chỉ đạo, triển khai thực hiện hoàn thành chỉ tiêu giao quân năm 2019;

- Chỉ đạo Hội đồng NVQS 17 huyện, thị xã, thành phố tham mưu kịp thời cho cấp ủy, chính quyền địa phương ban hành đầy đủ các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện quy trình công tác tuyển quân như: Nghị quyết, chỉ thị, kế hoạch,

hướng dẫn về công tác tuyển quân;

- Làm tốt công tác phối hợp, hiệp đồng chặt chẽ giữa cơ quan quân sự với các ngành, các cấp đặc biệt là giữa Quân sự, Công an và Y tế; giữa địa phương với các đơn vị nhận quân trong quá trình giao nhận quân.

2. Kết quả cụ thể

a) Công tác đăng ký nghĩa vụ quân sự cho công dân đủ 17 tuổi trong năm và đăng ký, xét duyệt, quản lý nguồn công dân sẵn sàng nhập ngũ

- Hội đồng NVQS các cấp đã làm tốt công tác tham mưu cho cấp uỷ, chính quyền địa phương chỉ đạo quán triệt và thực hiện nghiêm túc Nghị định 13/2016/NĐ-CP ngày 19/02/2016 của Chính phủ về Quy định trình tự, thủ tục đăng ký và chế độ, chính sách của công dân trong thời gian đăng ký, kê khai phiếu sức khỏe nghĩa vụ quân sự. Các địa phương có tỷ lệ đăng ký đạt cao so với dân số trong năm như: huyện Đức Cơ: 1,12%; Chư Puh: 1,03%; Krông Pa: 1,00% ⁽¹⁾ (Phụ lục 1);

- Cấp uỷ, chính quyền địa phương các cấp trong tỉnh đã chỉ đạo đăng ký rà soát nguồn thực lực độ tuổi thực hiện NVQS; tổ chức xét duyệt chính trị, xét duyệt thực lực ở hai cấp xã và huyện rà soát chặt chẽ các đối tượng miễn, hoãn và chưa gọi nhập ngũ, số còn lại trong diện gọi nhập ngũ; tổ chức đăng ký NVQS từ các thôn, làng, xã ngày càng chặt chẽ, sơ tuyển sức khỏe NVQS đúng quy trình. Các địa phương làm tốt công tác đăng ký, rà soát, chốt thực lực độ tuổi thực hiện NVQS khá hơn có thành phố Pleiku, thị xã An Khê, Ayun Pa, huyện IaGrai, Đak Đoa, Đak Pơ, Chư Sê, Chư Prông, Phú Thiện, Chư Puh ⁽²⁾ (Phụ lục 2).

b) Công tác tổ chức, triển khai khám tuyển nghĩa vụ quân sự

- Hội đồng NVQS tỉnh đã chỉ đạo Bộ CHQS tỉnh chủ động phối hợp các sở, ban ngành, đoàn thể của tỉnh và chỉ đạo Hội đồng NVQS các huyện, thị xã, thành phố triển khai tổ chức thực hiện chặt chẽ các bước tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ, kịp thời kiện toàn Hội đồng khám sức khỏe NVQS đúng, đủ thành phần; Hội đồng khám sức khỏe các địa phương đã tổ chức tập huấn chuyên môn cho các thành viên trong Hội đồng khám, xây dựng kế hoạch tổ chức các đoàn khám, điểm khám, cụm khám phù hợp theo từng địa phương; công tác khám tuyển của các huyện, thị xã, thành phố từng bước đã khắc phục được những hạn chế đặc biệt là kết luận các bệnh về mắt, tim mạch, huyết áp,

⁽¹⁾ Toàn tỉnh đã chốt số lượng nam công dân đủ 17 tuổi trong năm là: 12.233, đạt 0,82% so với dân số, trong đó: Diện phải đăng ký là: 12.198, đạt 99,71%, không thuộc diện đăng ký là: 35, chiếm 0,29%. Đã tổ chức đăng ký được: 12.149, đạt 99,6%, trong đó đăng ký trực tiếp là: 10.696, đạt 88,04%, gián tiếp là: 1.453, đạt 11,96%; trốn: 49, chiếm 0,4%; Đủ điều kiện và tổ chức kiểm tra sức khỏe được: 10.696, đạt: 100%.

⁽²⁾ Công dân trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ là: 71.333 công dân, đạt 4,8% so với dân số; tổ chức xét duyệt đối tượng xét miễn đăng ký thực hiện NVQS: 1.308 công dân chiếm 1,83%, còn lại trong diện thực hiện NVQS là: 70.025 công dân đạt 98,17%, trong đó: Miễn gọi nhập ngũ thời bình: 132 công dân, chiếm 0,19%; tạm hoãn gọi nhập ngũ thời bình là: 29.447 công dân, chiếm 42,05%; vi phạm chính trị, đạo đức là: 3.926 công dân, chiếm 5,6%; còn lại trong diện gọi nhập ngũ là: 36.520 công dân, đạt 52,16%; tổ chức đăng ký NVQS từ cấp thôn, xã ngày càng chặt chẽ, sơ tuyển sức khỏe NVQS đúng quy trình.

thần kinh và tiến hành Test ma túy, HIV-AIDS đúng quy định ⁽³⁾ (Phụ lục 3).

c) Lập hồ sơ, chốt quân số phát lệnh, tỉ lệ dự phòng

- Sau khi Thủ tướng Chính phủ, Bộ Quốc phòng và Quân khu có chỉ tiêu giao quân cho từng đơn vị, Hội đồng NVQS tỉnh đã tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh giao chỉ tiêu tuyển quân cho các huyện, thị xã, thành phố đảm bảo giao quân gắn với vùng động viên.

- Hội đồng NVQS tỉnh và cấp huyện đã tổ chức Hội nghị hiệp đồng giao nhận quân với các đơn vị nhận quân của Bộ, Quân khu nhằm thống nhất quân số, thời gian, địa bàn tuyển nhận, đồng thời chỉ đạo Hội đồng NVQS các huyện, thị xã, thành phố tiến hành chốt quân số phát lệnh gọi nhập ngũ là: 2.362/2.250 đạt 104,9% (trong đó có 4,9% dự phòng) theo quy định; đồng thời, chỉ đạo xây dựng kế hoạch năm tình hình, tổ chức thâm nhập, thẩm tra xác minh lý lịch đến từng công dân, gia đình, địa phương để hoàn chỉnh hồ sơ. Tổ chức thực hiện tốt quy trình các bước tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2019 đúng quy định (Phụ lục 4).

d) Công tác thanh tra, kiểm tra

Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh (là cơ quan thường trực) thay mặt Hội đồng NVQS tỉnh tổ chức kiểm tra, thanh tra công tác tuyển quân đối với các huyện và một số xã, thị trấn của huyện Chư Sê, Chư Pưh, Đak Đoa, Chư Prông, Đức Cơ, Chư Păh, Phú Thiện. Qua kiểm tra, thanh tra đã chỉ ra được tồn tại khuyết điểm trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện của từng đơn vị, những sai sót trong thực hiện quy trình tuyển quân đã kịp thời chấn chỉnh, đặc biệt là sai sót trong xét duyệt, sơ tuyển sức khỏe có nội dung chưa đúng theo quy định, khám và kết luận sức khỏe, xét duyệt chính trị một số trường hợp chưa đúng Thông tư 16, Thông tư 50 và đề nghị địa phương không phát lệnh gọi nhập ngũ cho những thanh niên không đủ điều kiện nhập ngũ.

đ) Công tác tổ chức Lễ giao nhận quân, phối hợp hiệp đồng giữa cơ quan quân sự và công an, chất lượng giao quân

- Tổ chức Lễ giao, nhận quân trang trọng, nhanh gọn, an toàn, đúng, đủ nội dung, thời gian theo Quyết định số 2185/QĐ-BTMM ngày 21/11/2012 của Bộ Tổng Tham mưu ban hành “Quy định tổ chức nghi lễ trong quân đội”; Hướng dẫn số 991/HD-BTM ngày 28/4/2017 của Bộ Tham mưu Quân khu 5 về việc Tổ chức Lễ giao nhận quân; đã giao quân cho các đơn vị 2.250/2.250 đạt 100% chỉ tiêu ⁽⁴⁾ (Phụ lục 5); Ban CHQS và Công an các huyện, thị xã, thành

⁽³⁾ Toàn tỉnh phát lệnh gọi khám sức khỏe NVQS: 11.061 công dân chiếm tỷ lệ 4,9 người/1 chỉ tiêu nhập ngũ, đã chấp hành lên trạm khám: 10.975 công dân đạt 99,22%, vắng mặt: 86 công dân chiếm 0,78% (có lý do: 71, không lý do: 15); đủ điều kiện sức khỏe nhập ngũ là: 3.566 công dân, đạt: 32,49%, trong đó sức khỏe Loại 1: 348/3.566 đạt 9,76%, Loại 2: 1.549/3.566 đạt 43,44%, loại 3: 1.669/3.566 đạt 46,8%.

⁽⁴⁾ Cụ thể giao quân cho đơn vị Bộ: Quân đoàn 3: 1.250/1.250. Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Gia Lai: 100/100; Đơn vị Quân khu: Sư đoàn bộ binh 2: 190/190, Lữ đoàn Công binh 270: 30/30, Lữ đoàn Pháo binh 368: 30/30, Lữ đoàn Thông tin 575: 40/40, Lữ đoàn Tăng – Thiết giáp 574: 30/30, Bộ Tham mưu: 60/60, Cục Kỹ thuật: 30/30 và Trung đoàn Bộ binh 991/Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Gia Lai: 490/490.

phổ đã phối hợp xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ bảo vệ trước, trong và sau khi giao quân, phối hợp với đơn vị nhận quân tổ chức đưa công dân lên đường về đơn vị bảo đảm an toàn, đúng thời gian, chất lượng giao quân ngày càng được nâng cao ⁽⁵⁾ (Phụ lục 6a, b).

e) Công tác phúc tra sức khỏe của các đơn vị nhận quân, bù đổi, hao hụt trong huấn luyện tân binh, giải quyết khiếu nại, tố cáo

- Bộ CHQS tỉnh (cơ quan thường trực) đã tham mưu cho Hội đồng NVQS tỉnh chỉ đạo trực tiếp Hội đồng NVQS cấp huyện phối hợp với đơn vị nhận quân tiến hành nắm và tổng hợp kết quả phúc tra lại sức khỏe của chiến sĩ mới đúng quy định, qua đó nổi lên một số đơn vị giao quân không có bù đổi như thành phố Pleiku, thị xã An Khê, AyunPa, huyện Chư Păh, Đak Đoa, Chư Pưh, Mang Yang, KBang, KôngChro.

- Năm 2019, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh đã lãnh đạo, chỉ đạo Hội đồng NVQS các cấp làm tốt công tác tuyên truyền Luật NVQS và các văn bản quy phạm pháp luật đến cán bộ, nhân dân trong tỉnh, thực hiện nghiêm quy trình công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ (từ khâu đăng ký NVQS đến khi giao nhận quân xong) ngày càng chặt chẽ, đúng quy định, dân chủ, công khai; xử lý những công dân chống, trốn đăng ký và lệnh gọi khám sức khỏe NVQS theo Nghị định 120/NĐ-CP của Chính phủ: 64/64 trường hợp đạt: 100%, cụ thể: thị xã AyunPa: 02/02, huyện Krông Pa: 24/24, Mang Yang: 05/05, Ia Grai: 05/05, Chư Păh: 10/10, Phú Thiện: 13/13, Đức Cơ: 03/03, Chư Sê: 01/01, KôngChro: 01/01; vì vậy tuyển quân năm 2019 toàn tỉnh không có trường hợp khiếu nại tố cáo đối với cá nhân, tổ chức có liên quan đến công tác tuyển quân.

Tóm lại: Năm 2019, các địa phương của tỉnh đã hoàn thành tốt nhiệm vụ chỉ tiêu giao quân, thực hiện đúng quy trình tuyển quân, giao quân đảm bảo chất lượng, làm tốt công tác chính sách hậu phương quân đội thăm hỏi, động viên, tặng quà tiễn công dân lên đường nhập ngũ ⁽⁶⁾, trong đó khá hơn có các đơn vị như thành phố Pleiku, huyện Chư Sê, Phú Thiện, Đăk Pơ, Đak Đoa, Chư Păh, KBang.

3. Khuyết điểm, nguyên nhân

⁽⁵⁾ Chất lượng giao quân: Tuổi đời 18-22 tuổi là: 2.065/2.250 đạt: 91,78%, 23-25 tuổi là: 183/2.2050 đạt: 8,14%, 26-27 tuổi là: 02/2.250 đạt: 0,08%; Trình độ: cấp 1: 106/2.250 đạt 4,1%, cấp 2: 1.242/2.250 đạt 55,2%, cấp 3: 902/2.250 đạt 40,08%, cao đẳng đại học 34/2.250 đạt 1,51%; Sức khỏe: Loại 1: 262 = 11,64%, Loại 2: 969 = 43,07%, Loại 3: 1.019 = 45,29%, Tôn giáo: 520/2.250 chiếm 23,11%, không tôn giáo: 1.730/2.250 chiếm 76,89%; dân tộc thiểu số: 1.282/2.250 chiếm 56,98%, dân tộc kinh: 968/2.250 chiếm 43,02%.

⁽⁶⁾ Tặng quà bình quân mỗi xuất trị giá 650.000 đồng; quân nhân xuất ngũ về địa phương tổ chức đón tiếp đăng ký, động viên và tặng quà trị giá bình quân 200.000 đồng; tổng số tiền khoảng: 1.900.000.000 đồng/năm (Một tỷ chín trăm triệu đồng). Riêng thành phố Pleiku, một số phường như Tây Sơn, Phù Đồng còn tặng riêng một số tiết kiệm trị giá 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho một thanh niên của phường lên đường nhập ngũ; phường Hội Thương xây một nhà tình nghĩa cho 01 công dân nhập ngũ có điều kiện khó khăn trị giá 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), phối hợp với các cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn giới thiệu việc làm cho quân nhân hoàn thành NVQS ổn định cuộc sống.

a) Khuyết điểm

- Công tác tuyên truyền về Luật NVQS và các văn bản liên quan đến công tác tuyển quân của một số địa phương chưa sâu rộng nên nhận thức của một số bộ phận nhân dân và thanh niên trong việc thực hiện Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015 còn hạn chế, trách nhiệm của một số thanh niên trong việc xây dựng và bảo vệ tổ quốc chưa cao.

- Triển khai thực hiện quy trình công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ chưa kịp thời, đồng bộ; công tác đăng ký, quản lý, nắm thực lực nguồn thanh niên sẵn sàng nhập ngũ ở một số xã, phường, thị trấn chưa chặt chẽ, nhất là số sinh viên đã tốt nghiệp các trường cao đẳng, đại học sau khi trở về địa phương chưa có biện pháp đăng ký, quản lý chặt chẽ, dẫn đến dễ sót nguồn SSNN; số công dân trốn thực hiện NVQS ở một số địa phương vẫn còn như thị xã AyunPa: 02/02, huyện Krông Pa: 24/24, Mang Yang: 05/05, Ia Grai: 05/05, Chư Păh: 10/10, Phú Thiện: 13/13, Đức Cơ: 03/03, Chư Sê: 01/01, KôngChro: 01/01.

- Thực hiện nội dung xét duyệt, sơ tuyển sức khỏe ở cấp xã chưa chặt chẽ dẫn đến tỷ lệ gọi khám cao so với chỉ tiêu, hơn 4 người/1 chỉ tiêu. Tỷ lệ điều khám cao như huyện KôngChro: 8,2 người/ 1 chỉ tiêu, khám sức khỏe NVQS còn sai sót, một số địa phương tổ chức điểm khám chưa phù hợp dẫn đến ảnh hưởng chất lượng khám (huyện Chư Păh, ChưPrông). Qua thanh tra, kiểm tra công tác tuyển quân của Bộ CHQS tỉnh đã chỉ ra 02 trường hợp chỉ số BMI lớn hơn 30 đề nghị để lại không giao quân (huyện Phú Thiện); kết luận sức khỏe NVQS chưa cụ thể, rõ ràng như các trường hợp gãy xương chân hoặc tay không ghi rõ mức độ biến chứng (huyện Đức Cơ).

- Thực hiện dân chủ công khai, niêm yết danh sách kết quả khám và gọi nhập ngũ ở một số xã, phường, thị trấn chưa đúng quy định về thời gian, địa điểm công khai.

- Tổ chức tuyên truyền trong ngày giao nhận quân chưa sâu rộng, lễ giao nhận quân chưa thật chặt chẽ (huyện ChưPrông); chất lượng giao quân đạt thấp như trình độ văn hóa cấp 1, cấp 2 chiếm cao (Mang Yang: 88,2%); tỷ lệ giao quân toàn tỉnh người kinh đạt 44% so với chỉ tiêu giao, người dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ cao như huyện KôngChro: 92,7%, do đó chưa tạo được sự công bằng theo cơ cấu dân số giữa người kinh và người dân tộc thiểu số.

- Giao quân cho các đơn vị của Bộ có 13 trường hợp không đủ tiêu chuẩn sức khỏe, đạo đức phải bù đổi chiếm 0,57% so chỉ tiêu; trong đó Sư đoàn bộ binh 10/QĐ3: 11 trường hợp cụ thể: huyện Đức Cơ: 02, Phú Thiện: 02, Chư Sê: 02, IaGra: 02, Ia Pa: 01, Krông Pa: 01, Đak Pơ: 01; Lữ đoàn Pháo Phòng không 234/QĐ3: 02 trường hợp của huyện ChưPrông. Quá trình huấn luyện chiến sĩ mới đến nay chưa có trường hợp đào bỏ ngũ và vi phạm pháp luật lọt vào quân đội.

b) Nguyên nhân

- Công tác tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương về chỉ đạo công tác tuyên truyền Luật NVQS trong nhân dân ở một số địa phương chưa

được sâu rộng; hình thức, phương pháp tuyên truyền chưa phong phú, thiếu trọng tâm trọng điểm, nhất là về chế độ chính sách quyền lợi đối với quân nhân đang tại ngũ, gia đình có con em tại ngũ, quân nhân sau khi xuất ngũ;

- Công tác đăng ký, quản lý, nắm thực lực nguồn thanh niên SSNN ở một số xã, phường, thị trấn còn nhiều bất cập như việc chuyển khẩu, nhập khẩu ở địa phương quản lý chưa chặt chẽ, từ đó dẫn đến dễ sót nguồn, nên chốt thực lực độ tuổi thực hiện NVQS chưa cao;

- Công tác sơ tuyển nắm nguồn và phân loại sức khỏe ở cấp xã chưa tốt, chưa bám vào Thông tư số 16/2016/TTLT-BYT-BQP nên có trường hợp công dân khám nhiều lần không đạt (do bệnh tật) vẫn tiếp tục gọi khám, dẫn đến tỷ lệ điều khám vẫn còn cao;

- Cơ quan quân sự các cấp làm công tác tham mưu chưa chặt chẽ trong việc thực hiện quy trình tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ. Một số Hội đồng NVQS xã chưa nắm vững quy trình, chưa thể hiện hết vai trò, chức năng nhiệm vụ; trong quá trình triển khai thực hiện có một số nội dung thiếu sâu sát, việc kiểm tra hướng dẫn quy trình tuyển quân ở cơ sở chưa chặt chẽ;

- Chế tài xử phạt theo Nghị định 120/NĐ-CP của Chính phủ còn thấp, việc xử lý ở địa phương còn dễ kéo dài, nên chưa mang tính giáo dục và răn đe kịp thời.

Phần II

PHƯƠNG HƯỚNG THỰC HIỆN CÔNG TÁC TUYỂN QUÂN NĂM 2020

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

- Năm 2019 - 2020, kinh tế của tỉnh tiếp tục tăng trưởng, đời sống nhân dân ngày càng được nâng lên, cấp ủy chính quyền địa phương đặc biệt quan tâm đến công tác tuyển quân nhằm xây dựng lực lượng vũ trang của tỉnh ngày càng vững mạnh; tình hình an ninh chính trị trên địa bàn tỉnh cơ bản ổn định. Nhận thức của nhân dân về thực hiện Luật NVQS là trách nhiệm, nghĩa vụ đối với bảo vệ tổ quốc từng bước được nâng lên.

- Song bên cạnh đó các thế lực thù địch vẫn tiếp tục thực hiện các âm mưu, thủ đoạn nhằm kích động, chia rẽ khối đại đoàn kết các dân tộc, gây mất ổn định an ninh, chính trị trên địa bàn tỉnh; cơ chế thị trường, cùng với sự phát triển nhiều ngành nghề ở các thành phố lớn, dẫn đến thanh niên phân tán, rời địa phương đi làm ăn xa; tỷ lệ thanh niên người dân tộc thiểu số ở lại địa phương chiếm cao hơn so với người kinh, trình độ văn hóa thấp, chế độ chính sách còn nhiều bất cập, yêu cầu chất lượng tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ ngày càng cao, vì vậy trong quá trình triển khai thực hiện có những khó khăn nhất định.

II. PHƯƠNG HƯỚNG BIỆN PHÁP LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Để hoàn thành tốt chỉ tiêu tuyển quân năm 2020, giao quân bảo đảm chất lượng; Hội đồng NVQS tỉnh yêu cầu Hội đồng NVQS các huyện, thị xã, thành phố chủ động tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện tốt một số nội dung sau:

1. Chỉ đạo các cấp, các ngành tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện tốt công tác tuyên truyền giáo dục Luật NVQS năm 2015, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác tuyển quân, phổ biến, tuyên truyền sâu rộng cho cán bộ, nhân dân, đặc biệt là thanh niên trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ 18 đến 25 (cao đẳng, đại học đến hết 27 tuổi), các chế độ tiêu chuẩn, chính sách ưu đãi, chính sách hậu phương quân đội của Nhà nước đối với gia đình, quân nhân tại ngũ và quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự xuất ngũ về địa phương; phối hợp với các Trung tâm giới thiệu việc làm, các công ty, doanh nghiệp nhà nước, tư nhân và các trường dạy nghề trên địa bàn tỉnh đề tư vấn học nghề, giới thiệu việc làm cho quân nhân xuất ngũ.

2. Kịp thời tham mưu cho Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng NVQS tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo công tác tuyển quân năm 2020, chỉ đạo kiện toàn Hội đồng NVQS cấp huyện, xã theo quy định; có kế hoạch phân công thành viên Hội đồng NVQS phụ trách địa bàn, phát huy vai trò chức năng nhiệm vụ của từng ngành giúp Hội đồng NVQS các cấp chỉ đạo triển khai thực hiện chặt chẽ quy trình công tác tuyển quân từ khâu đăng ký, quản lý chặt chẽ thanh niên trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ, xét duyệt chính trị, xét duyệt thực lực độ tuổi thực hiện NVQS, sơ tuyển, khám sức khỏe NVQS và tổ chức giao quân bảo đảm tỷ lệ phù hợp giữa người kinh và người dân tộc thiểu số trên địa bàn, thực hiện công bằng xã hội.

3. Quan tâm đầu tư về cơ sở vật chất phương tiện cho Hội đồng khám, từng bước nâng cao chất lượng khám tuyển, gắn và chịu trách nhiệm của từng thành viên Hội đồng khám trong thực hiện nhiệm vụ khám sức khỏe NVQS, điều khám tỷ lệ phù hợp (từ 3 đến 4 người/l chỉ tiêu); bố trí điểm khám bảo đảm đúng quy định, phù hợp với từng địa phương; triển khai kế hoạch khám sức khỏe NVQS và kết thúc khám trong tháng 11 năm 2019.

4. Chú trọng bồi dưỡng tạo nguồn phát triển đảng viên trong lực lượng thanh niên sẵn sàng nhập ngũ, ưu tiên số có trình độ cao đẳng, đại học, công chức nhà nước nhập ngũ, thực hiện tốt chủ trương của Thường vụ Đảng ủy - Bộ Tư lệnh Quân khu về tiêu chí "**3 trong 1**" trong tuyển quân.

5. Tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành phối hợp nắm chắc tình hình công dân, cấp xã tổ chức thâm nhập thực hiện "**2 gặp 4 biết**" chặt chẽ đối với công dân đủ điều kiện sức khỏe chuẩn bị nhập ngũ, với phương châm "*Đến tận ngõ, gõ tận nhà, rà tận người*"; nội dung 2 gặp là: Gặp gia đình, gặp công dân; 4 biết là: Biết hoàn cảnh, biết sức khỏe, biết trình độ học vấn, biết chính trị - đạo đức.

6. Chỉ đạo kiểm tra và hoàn chỉnh hồ sơ công dân nhập ngũ bảo đảm đầy đủ thủ tục, nội dung kết luận của chính quyền địa phương về lai lịch chính trị, quan hệ xã hội của gia đình và bản thân công dân nhập ngũ chặt chẽ đúng quy định, không để sót lọt thanh niên vi phạm pháp luật nhập ngũ vào Quân đội.

7. Tổ chức Hội nghị hiệp đồng chặt chẽ với các đơn vị nhận quân và các xã, phường, thị trấn chốt quân số và phát lệnh gọi nhập ngũ tỷ lệ dự phòng đúng quy định, ưu tiên gọi nhập ngũ số thanh niên có trình độ văn hóa cao, sức khỏe tốt, chú trọng tuyển số công dân là đảng viên; công dân đã tốt nghiệp các trường

trung cấp, cao đẳng, đại học; công nhân viên chức đang công tác trong các cơ quan nhà nước và các doanh nghiệp nhằm nâng cao chất lượng công tác tuyển quân; không để thôn, làng trắng không có công dân nhập ngũ.

8. Trong quá trình thực hiện thường xuyên tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kết hợp tuyển quân với phát hiện xử lý nghiêm những tập thể, cá nhân vi phạm hoặc cản trở việc thi hành Luật NVQS. Thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội; tổ chức đón tiếp chu đáo và tạo điều kiện cho quân nhân xuất ngũ trở về địa phương sớm ổn định cuộc sống, giải quyết kịp thời khó khăn vướng mắc của gia đình có con em đang phục vụ tại ngũ để quân nhân an tâm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao./.

Trên đây là báo cáo Tổng kết công tác tuyển quân năm 2019, phương hướng thực hiện công tác tuyển quân năm 2020.

Nơi nhận:

- Bộ Tư lệnh/Quân khu 5 (báo cáo);
- Cục Quân lực/BTTM/QĐNDVN (b/cáo);
- Phòng Quân lực/BTM/QK5 (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Bộ CHQS tỉnh;
- Thành viên Hội đồng NVQS tỉnh;
- Hội đồng NVQS các h, tx, tp;
- Lưu VP, NC;



**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
Võ Ngọc Thành**

KẾT QUẢ ĐĂNG KÝ NVQS CHO CÔNG DÂN NAM ĐỦ 17 TUỔI NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số: 2067/BC-HĐNVQS ngày 06/5/2019 của Hội đồng NVQS tỉnh Gia Lai)

STT	Địa phương	Tổng dân số năm 2018	Tổng số nam đủ 17 tuổi trong năm		Không thuộc diện đăng ký		Diện phải đăng ký						Đã kiểm tra sức khỏe	Văn hoá số đã đăng ký																		
			+	Tỷ lệ % so với dân số	+	Đang phạm pháp	Miễn đăng ký NVQS	Đã đăng ký						+	Không biết chữ	Bậc giáo dục phổ thông														Đã và đang học trường		
								+	+	Đăng ký trực tiếp	Đăng ký gián tiếp	Trốn				Chống	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	Đào tạo nghề	Trung học		
Toàn tỉnh		1.498.749	12.233	0,82%	35	5	30	12.198	12.149	10.696	1.453	49		10.696	12.149	144	87	142	262	408	752	810	849	1064	1498	1574	4520	39	28			
1	TP. PleiKu	245.403	1.746	0,71%	7		7	1.739	1.739	1.373	366			1.373	1.739	1	2	1	4	6	25	29	19	92	135	67	1358		2			
2	H. Đăk Đoa	112.884	1.012	0,90%				1.012	1.012	1.012				1.012	1.012				1	11	25	36	45	67	157	264	406					
3	H. Mang Yang	63.887	613	0,96%	14		14	599	594	565	29	5		565	594	9	7	14	23	32	51	44	57	60	74	90	133					
4	H. Đăk Pơ	44.776	335	0,75%				335	335	311	24			311	335								16	22	30	43	224					
5	H. KBang	68.544	515	0,75%				515	515	408	107			408	515	3	2	4	13	24	78	33	41	44	91	59	123					
6	TX. An Khê	70.671	498	0,70%				498	498	410	88			410	498				2	7	13	44	37	48	89	258						
7	H. Kông Chro	50.325	415	0,82%				415	415	327	88			327	415			2	5	27	50	59	57	55	57	41	49	13	15			
8	H. Krông Pa	82.327	834	1,01%				834	814	773	41	20		773	814		4	11	21	44	37	64	66	90	106	135	236					
9	TX. AyunPa	39.589	321	0,81%				321	321	300	21			300	321	35		6	8	8	13	17	8	19	9	16	182					
10	H. Ia Pa	57.657	440	0,76%				440	440	275	165			275	440			13	37	38	45	41	39	45	37	51	94					
11	H. Chư Sê	117.117	1.077	0,92%				1.077	1.077	979	98			979	1.077	29			39	54	114	81	71	93	193	91	312					
12	H. Chư Prông	126.212	939	0,74%				939	939	849	90			849	939		4	5	6	11	105	142	114	77	128	115	232					
13	H. Đức Cơ	76.447	818	1,07%	14	5	9	804	804	705	99			705	804	28	2	7	17	35	49	59	75	108	123	122	179					
14	H. Ia Grai	109.766	776	0,71%				776	771	754	17	5		754	771	10	43	40	38	40	45	42	43	44	52	79	295					
15	H. Chư Păh	76.763	490	0,64%				490	482	482		8		482	482				1	9	14	29	31	56	84	101	150	7				
16	H. Chư Puh	72.601	751	1,03%				751	751	692	59			692	751	7	10	19	27	43	57	63	77	98	99	96	148	7				
17	H. Phú Thiện	83.780	653	0,78%				653	642	481	161	11		481	642	22	13	20	22	24	37	58	46	57	75	115	141	12	11			

Phụ lục 2

XÉT DUYỆT GỌI CÔNG DÂN NHẬP NGŨ NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số: 2067/BC-HĐNVQS ngày 06/5/2019 của Hội đồng NVQS tỉnh Gia Lai)

TT	ĐƠN VỊ	Dân số	Tổng số 18 đến 25 tuổi (CĐ, ĐH đến 27 tuổi)	Đạt % so với dân số	Miễn đăng ký NVQS	Miễn gọi nhập ngũ						Tạm hoãn nhập ngũ						Xét duyệt chính trị				Đủ điều kiện nhập ngũ	Chưa gọi nhập ngũ				Đủ điều kiện gọi khám sức khỏe	Tổng số điều khám sức khỏe			
						+	Con liệt sỹ, TB, BB hạng I ...	Một anh hoặc em trai LS...	Một con của TB 2, BB 1, C... 81% trở lên	Người làm công tác cơ yếu ...	CB, CC, VC, TNXP được điều đến c.tác... từ 24th	+	Người chưa đủ sức khỏe...	Người lao động duy nhất	Một con BB nhiễm C/D DC 61% - 80%	Người cô anh, em đang tại ngũ	Người thuộc diện đi dân, giãn dân ...	Giáo viên, NV y tế, TNXP đang làm việc ở vùng CB, CC, VC, TNXP được điều đến c.tác...	Người đang học ở các trường ...	+	Chính trị		Đạo đức	Trường hợp chưa xét tuyển vào phục vụ trong QĐ	+	Thừa, thiếu tháng tuổi			Văn hoá thấp	Lý do khác	
(+)	Tổng cộng	1.498.749	71.333	4,8	1.308	132	62	14	52	1	3	29.447	10.142	2.662	4	1.060		6		15.570	3.926	1.444	2.482		36.520	22.582	1.508	7.119	13.955	13.938	11.061
1	Thành phố Pleiku	245.403	14.343	5,8	115	36	4	1	31			6.682	1.599	174		83				4.826	718	67	651		6.792	5.870	750	219	4.901	922	922
2	Huyện Đăk Đoa	112.884	5.804	5,1	128	12	12					2.306	1.228	213		41				824	299	106	193		3.059	2.067	126	902	1.039	992	992
3	Huyện Mang Yang	63.887	3.784	5,9	76							1.817	1.040	184		103				490	74	16	58		1.817	958		450	508	859	771
4	Huyện Đăk Pơ	44.776	1.676	3,7	3	3	3					833	343	32		27				431	68	56	12		769	454		454	315	315	315
5	Huyện Kbang	68.544	3.958	5,8	1							1.288	504	33	2	44				705	154	4	150		2.515	1.105	53	172	880	1.410	600
6	Thị xã An Khê	70.671	3.500	5,0	67							1.795	822	25		52		2		894	169	10	159		1.469	979		384	595	490	320
7	Huyện Kông Chro	50.325	1.577	3,1	65	1	1					953	628	53		13				259	39		39		519	59	3	15	41	460	452
8	Huyện Krông Pa	82.327	2.522	3,1	54	3	3					968	405	44		72				447	124	77	47		1.373	526		511	15	847	794
9	Thị xã AyunPa	39.589	1.359	3,4	1				1			609	251	4		27				327	41	12	29		708	357	3	292	62	351	351
10	Huyện Ia Pa	57.657	2.264	3,9	1							739	285	145		44				265	127	33	94		1.397	917		307	610	480	480
11	Huyện Phú Thiện	83.780	4.836	5,8	170	1	1					1.453	486	55	2	135		2		773	304	179	125		2.908	1.944	340	1.433	171	964	780
12	Huyện Chư Păh	76.763	3.315	4,3	42	42	28	13	1			1.241	410	96		83				652	197	80	117		1.793	1.213	86	243	884	580	580
13	Huyện Chư Sê	117.117	5.879	5,0		4				1	3	2.360	621	115		87				1.537	474	279	195		3.041	1.728		988	740	1.313	840
14	Huyện Chư Prông	126.212	5.146	4,1	234	16			16			3.064	674	1.081		71				1.238	184	40	144		1.648	310	97	87	126	1.338	880
15	Huyện Đức Cơ	76.447	2.905	3,8	97	3			3			984	183	90		48		2		661	134	17	117		1.687	771	7	242	522	916	640
16	Huyện Ia Grai	109.766	4.219	3,8	146	10	10					1.373	321	238		68		3		743	440	206	234		2.250	1.207		372	835	1.043	824
17	Huyện Chư Pưh	72.601	4.246	5,8	109							982	342	80		62				498	380	262	118		2.775	2.117	43	502	1.572	658	520

CÁC BƯỚC GỌI NHẬP NGŨ NĂM 2018

(NỘI THUNG DẠO LƯU SỐ: 2007/ĐC-TT/2017 VÀ NGÀY 09-2-2017 CỦA TƯ LỆNH QUÂN QUẢN LÝ VÀO VIỆC TỔNG KẾT CÔNG TÁC TUYỂN QUÂN NĂM 2019, PHƯƠNG HƯỚNG THỰC HIỆN CÔNG TÁC TUYỂN QUÂN NĂM 2020)

TT	ĐỊA PHƯƠNG	Chỉ tiêu giao quân	Tổng số người từ 18 đến 27 tuổi	Tổng xét	XÉT DUYỆT					Tổng số điều khám	KẾT QUẢ KHÁM SỨC KHỎE										Tổng số phát lệnh	KẾT QUẢ GỌI NHẬP NGŨ						Ghi chú	
					CHƯA GỌI + MIỄN HOÀN						Đủ điều kiện gọi khám sức khỏe	VẮNG MẮT			Đã lên trạm	PHÂN LOẠI SỨC KHỎE				Tổng số đủ sức khỏe nhập ngũ		VẮNG MẮT			Đã lên trạm	ĐÃ GIAO QUÂN			
					+	Chính trị đạo đức	Sức khỏe	Văn hóa	Chính sách			+	Có lý do	Tròn		Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4, 5, 6			+	Có lý do	Tròn		Tổng số	Cơ quan cơ sở nhà nước		Học sinh các trường
(+)	TỔNG CỘNG	2.250	71.333	71.333	57.395	3.926	10.142	15.570	27.757	13.938	11.061	86	71	15	10.975	348	1.549	1.669	7.409	3.566	2.362				2.362	2.250	2		
1	Thành phố Pleiku	190	14.343	14.343	13.421	718	1.599	4.826	6.278	922	922	5	5		917	13	100	139	665	252	200				200	190	2		
2	Huyện Đăk Đoa	185	5.804	5.804	4.812	299	1.228	824	2.461	992	992				992		56	169	767	225	194				194	185			
3	Huyện Mang Yang	145	3.784	3.784	2.925	74	1.040	490	1.321	859	771	7	7		764	20	98	119	527	237	152				152	145			
4	Huyện Đăk Pơ	75	1.676	1.676	1.361	68	343	431	519	315	315	4	4		311	23	30	50	208	103	79				79	75			
5	Huyện Kbang	135	3.958	3.958	2.548	154	504	705	1.185	1.410	600	2	2		598	14	67	90	427	171	142				142	135			
6	Thị xã An Khê	65	3.500	3.500	3.010	169	822	894	1.125	490	320	7	7		313	1	35	52	225	88	68				68	65			
7	Huyện Kông Chro	55	1.577	1.577	1.117	39	628	259	191	460	452	1		1	451	1	22	76	352	99	58				58	55			
8	Huyện Krông Pa	145	2.522	2.522	1.675	124	405	447	699	847	794	10	6	4	784	49	137	104	494	290	152				152	145			
9	Thị xã AyunPa	50	1.359	1.359	1.008	41	251	327	389	351	351	3	1	2	348	13	31	31	273	75	53				53	50			
10	Huyện Ia Pa	95	2.264	2.264	1.784	127	285	265	1.107	480	480	5	5		475	19	85	58	313	162	100				100	95			
11	Huyện Phú Thiện	175	4.836	4.836	3.872	304	486	773	2.309	964	780	2		2	778	20	137	138	483	295	184				184	175			
12	Huyện Chư Păh	125	3.315	3.315	2.735	197	410	652	1.476	580	580	9	7	2	571	16	77	58	420	151	131				131	125			
13	Huyện Chư Sê	185	5.879	5.879	4.566	474	621	1.537	1.934	1.313	840	9	8	1	831	43	171	101	516	315	194				194	185			
14	Huyện Chư Prông	190	5.146	5.146	3.808	184	674	1.238	1.712	1.338	880	2	2		878	44	139	115	580	298	199				199	190			
15	Huyện Đức Cơ	145	2.905	2.905	1.989	134	183	661	1.011	916	640	14	11	3	626	30	162	150	284	342	152				152	145			
16	Huyện Ia Grai	180	4.219	4.219	3.176	440	321	743	1.672	1.043	824	6	6		818	28	114	127	549	269	189				189	180			
17	Huyện Chư Pưh	110	4.246	4.246	3.588	380	342	498	2.368	658	520				520	14	88	92	326	194	115				115	110			

(Kèm theo Báo cáo số: 2067/BC-HĐNVQS ngày 06/5/2019 của Hội đồng NVQS tỉnh Gia Lai)

TT			TUỔI DỜI											TRÌNH ĐỘ GIAO DỤC PHỔ THÔNG											TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN				Đảng viên	Đoàn viên	CN VC	Kết quả phát lệnh			
			*	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	Công	* Cấp 1	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5	* Cấp 2	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	* Cấp 3	* Sơ cấp	Trung cấp				C Đảng Đ Học	Trực tiếp	Gián tiếp	
(*)	TỔNG CỘNG	2.250	2.250	208	1.057	416	238	146	92	62	29	1	1	2.250	106			4	7	95	1.242	191	200	297	554	902	40	1	5	34	16	2.234	2	2.163	87
1	Thị xã Pleiku	190	190	6	77	32	20	11	19	17	8			190	4					4	56	7	9	18	22	130	12		1	11	2	188	2	187	3
2	Thị xã AyunPa	50	50		24	10	10	4		2				50						26		4	15	7	24	2			2		50		46	4	
3	Thị xã An Khê	65	65	3	30	20		8	3	1				65						23		2	10	11	42	2			2		65		57	8	
4	Huyện Đăk Đoa	185	185	22	93	31	14	11	5	5	4			185	5				5	112	19	24	30	39	68	3		1	2		185		183	2	
5	Huyện Mang Yang	145	145	42	76	18	5	3	1					145						128			5	123	17	1	1			4	141		145		
6	Huyện Đăk Pơ	75	75	3	39	18	8	5	1	1				75	6				6	50	5	9	15	21	19	1			1	1	74		67	8	
7	Huyện Kbang	135	135	8	74	28	18	4	1	1	1			135	10				10	85	12	13	15	45	40					1	134		135		
8	Huyện Kông chro	55	55		31	8	5	8	1	2				55	18			1	16	32	11	2	6	13	5						55		55		
9	Huyện Krông Pa	145	145	68	33	24	9	8	2	1				145	5				5	61	7	8	18	28	79	2		1	1		145		135	10	
10	Huyện Ia Pa	95	95	3	28	18	17	13	9	6	1			95	5				5	67	17	16	11	23	23	1			1		95		95		
11	Huyện Phú Thiện	175	175	9	77	30	27	15	5	5	6	1		175						32		7	14	11	143	4		1	3	1	174		165	10	
12	Huyện Chư Păh	110	110	3	68	18	8	3	8	2				110	6			1	5	79	16	24	10	29	25						110		110		
13	Huyện Chư Sê	185	185	8	96	41	15	11	8	5	1			185	6				6	122	23	20	37	42	57					1	184		183	2	
14	Huyện Chư Prông	190	190	13	107	33	16	8	9	2	1	1		190	7				7	125	15	21	38	51	58	2			2	1	189		177	13	
15	Huyện Đức Cơ	145	145	2	44	34	26	18	10	6	5			145	7				7	67	14	15	16	22	71	4			4	3	142		132	13	
16	Huyện Ia Grai	180	180	17	86	34	22	10	4	5	2			180	12			1	10	103	31	16	21	35	65	2			2	2	178		173	7	
17	Huyện Chư Păh	125	125	1	74	19	18	6	6	1				125	15			2	4	9	74	14	10	18	32	36	4		1	3		125		118	7

CHẤT LƯỢNG GIAO QUÂN NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số: 2067/BC-HĐNVQS ngày 06/5/2019 của Hội đồng NVQS tỉnh Gia Lai)

TT	ĐƠN VỊ	SỨC KHỎE				Không tôn giáo	TÔN GIÁO					DÂN TỘC														VỢ CON		CON CÁN BỘ				CON SỞ QU. C.A. QNCN, CNVQP				NGÀNH NGHỀ ĐƯỢC ĐÀO TẠO TRƯỚC KHI NHẬP NGŨ				Ghi chú (Thời gian bắt buộc LL giáo, nhận quân)						
		1	Loại 2	Loại 3	* theo các tôn giáo		Thiên chúa giáo	Tín lành	Phật giáo	Cao đài	Kinh	* dân tộc thiểu số	Tày (02)	Thái (03)	Mường (04)	Nùng (07)	H'Mông (08)	Dao (09)	Jrai (10)	Bana (12)	Xê đưng (16)	Mạ Nùng (16)	H'ha (06)	Thổ (21)	Chăm (14)	Đã có vợ	Trong đó đã có con	*	Cấp xã	Cấp huyện	Cấp tỉnh	Cấp TW	*	SỞ Quân đội	SỞ Công an	QNCN	CNVQP	Cao đẳng, Đ. học			Trung cấp	Sơ cấp				
																																						Dai học	Cao đẳng							
(+)	TỔNG CỘNG	2.250	262	969	1.019	1.730	520	237	234	49	968	1.282	22	10	9	27	1	11	263	433	2	1	1			102	55	6	4		1	1	1	1					34	13	21	5	1			
1	Thành Phố Pleiku	190	11	64	115	101	89	36	35	18	116	74							63	10			1			4	2																	8 giờ 30		
2	Thị xã AyunPa	50	13	24	13	41	9	4	2	3	20	30							30																									8 giờ 15		
3	Thị xã An Khê	65		26	39	60	5	1		4	64	1								1																								8 giờ 26		
4	Huyện Đăk Đoa	185		46	139	91	94	24	65	5	73	112							33	79					5	3																		8 giờ 30		
5	Huyện Mang Yang	145	15	63	67	113	32	14	18		65	80	2							78					5	3	1			1													1	8 giờ 00		
6	Huyện Đăk Pơ	75	19	37	19	73	2	1		1	46	29				1			28					4	3																			8 giờ 15		
7	Huyện Khang	135	17	53	65	131	4	3		1	34	101	5		5		2		89					14	11	3	3																		8 giờ 35	
8	Huyện Kông chro	55	1	11	43	55					4	51							2	49					19	4	1	1																	8 giờ 30	
9	Huyện Kông Pa	145	40	66	39	102	43	16	27		28	117							117																										8 giờ 45	
10	Huyện Ia Pa	95	11	43	41	40	55	48		7	40	55							2	53					5	3																			8 giờ 50	
11	Huyện Phú Thiện	175	18	101	56	145	30	19	11		87	88	7	8		9			59	5					8	5																			8 giờ 20	
12	Huyện Chư Păh	110	13	60	37	56	54	26	27	1	32	78	2		1				75						1																					8 giờ 35
13	Huyện Chư Sê	185	31	95	59	161	24	11	13		75	110							96	14					8	4																			8 giờ 40	
14	Huyện Chư Prông	190	24	89	77	170	20	12	2	6	93	97	6	2	9	12			8	60					7	5																			9 giờ 00	
15	Huyện Đăc Co	145	14	48	83	136	9	2	7		103	42					1	40						3	1	1																			9 giờ 05	
16	Huyện Ia Grai	180	14	86	80	161	19	5	14		54	126							126						14	7																			8 giờ 20	
17	Huyện Chư Păh	125	21	57	47	94	31	15	13	3	34	91							62	27	2				5	4																			8 giờ 25	